

Bản án số: **363/2023/HS-ST**
Ngày 24 - 8 - 2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đinh Quốc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Xuân Hương

Bà Lê Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 260/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 39A1 tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 127/26 Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Khắc Thiệp và bà Nguyễn Thị Dung (bị cáo khai tại phiên tòa là Nguyễn Thị Dung); chồng là Cao Duy Thành; có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Phạm Thị Hồng thuộc Công ty luật TNHH Hồng Minh Quang, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Phương; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Dương Bạch Mai, sinh năm 1951, nơi cư trú: số 35 phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1951; nơi cư trú: số 694 phố Tây Kết, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Nguyễn Khắc Cương, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Huê, sinh năm 1974; cùng cư trú tại: Thôn Lục Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; cùng có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Bích Ngân, sinh năm 1961; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 13B1 tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Nga, sinh năm 1961; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 52 ngõ 267/2 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 12/7/2012 đến ngày 17/9/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của một số công dân đối với Nguyễn Thị Phương cùng chồng là Cao Duy Thành có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thông qua việc mua hàng, vay tiền nhưng sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt; bà Nguyễn Bích Ngân tố giác Nguyễn Khắc Cường (em trai Nguyễn Thị Phương) đột nhập trái phép ki-ốt số 4 đường Ngang, chợ Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Kết quả điều tra xác định:

Nguyễn Thị Phương làm nghề kinh doanh tự do. Từ năm 2012, Phương đã nhiều lần mua hàng, vay tiền sau đó do không còn khả năng thanh toán đã bỏ trốn để chiếm đoạt của nhiều người. Bằng thủ đoạn này Nguyễn Thị Phương đã chiếm đoạt của các bị hại, cụ thể như sau:

1 – Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 1.558.000.000 đồng của bà Dương Bạch Mai:

Từ năm 2003, Nguyễn Thị Phương và bà Dương Bạch Mai có mối quan hệ buôn bán thịt lợn, bà Mai đỡ buôn thịt lợn cho Phương để Phương bán lẻ kiếm lời, thời gian đầu Phương thanh toán tiền hàng đầy đủ cho bà Mai. Đến khoảng cuối năm 2011, bà Mai vẫn cung cấp hàng đều nhưng Phương bắt đầu chậm thanh toán tiền hàng. Phương và bà Mai đã đối chiếu công nợ tính đến ngày 13/6/2012, tổng số tiền hàng Phương còn nợ của bà Mai là 1.758.000.000 đồng. Phương đã viết giấy nhận nợ đề ngày 13/6/2012 và cam kết cứ 10 ngày thanh toán cho bà Mai số tiền 200.000.000 đồng. Do bà Mai muốn ràng buộc trách nhiệm trả nợ của vợ chồng Phương nên đã yêu cầu Phương và ông Cao Duy Thành (chồng Phương) phải cùng ký vào giấy nhận nợ. Ngày 22/6/2012, Phương đã trả cho bà Mai số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 12/7/2012, bà Mai có đến tìm Phương để đòi nợ thì được biết Phương đã bỏ trốn nên bà Dương Bạch Mai đã làm đơn tố giác Nguyễn Thị Phương ra cơ quan điều tra.

Bà Mai khai, sau khi Phương thanh toán số nợ 200.000.000 đồng ngày 22/6/2012, Phương vẫn tiếp tục mua hàng của bà Mai và nợ tiền hàng là 200.000.000 đồng tuy nhiên không có tài liệu chứng minh. Do đó xác định số tiền Nguyễn Thị Phương bỏ trốn chiếm đoạt của bà Dương Bạch Mai là 1.558.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 6376 ngày 08/7/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Chữ ký chữ viết tại Giấy nhận nợ đề ngày 13/6/2012 là chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Phương và Cao Duy Thành.

Bà Dương Bạch Mai đề nghị xử lý Nguyễn Thị Phương theo quy định của pháp luật và yêu cầu Phương bồi thường cho bà Mai số tiền 1.558.000.000 đồng.

2 – Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lý số tiền 1.070.000.000 đồng:

Do cần tiền để làm ăn, buôn bán, ngày 13/6/2012, Nguyễn Thị Phương vay của bà Nguyễn Thị Lý số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà Lý đưa cho Phương 02 lần tiền cùng vào ngày 13/6/2012, mỗi lần 500.000.000 đồng. Phương viết Giấy nhận nợ đề ngày 13/6/2012 với cam kết sau 01 tháng sẽ trả lại toàn bộ tiền gốc cùng 30 triệu đồng tiền lãi. Đến ngày 22/7/2012, Phương vay tiếp của bà Lý số tiền 70 triệu đồng và viết giấy nhận nợ không đề ngày tháng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Phương vay của bà Lý là 1.070.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng). Hiện bà Lý chỉ giao nộp được cho cơ quan điều tra 02 giấy nhận nợ bản phô tô còn bản gốc bà Lý đã làm thất lạc. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Phương thừa nhận việc vay nợ bà Lý 1.070.000.000 đồng như nội dung 02 giấy nhận nợ bản photo mà bà Lý giao nộp. Do Phương không có khả năng trả nợ nên đã bỏ trốn để chiếm đoạt khoản nợ của bà Lý.

Bà Nguyễn Thị Lý đề nghị xử lý Nguyễn Thị Phương theo quy định của pháp luật và yêu cầu Phương bồi thường cho bà Lý số tiền 1.070.000.000 đồng.

3 - Hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Khắc Cương và bà Nguyễn Thị Huê số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng):

Từ năm 2011 đến đầu năm 2012, do cần tiền để làm ăn, buôn bán, Nguyễn Thị Phương có vay mượn của vợ chồng ông Nguyễn Khắc Cương và bà Nguyễn Thị Huê nhiều lần với tổng số tiền 16 tỷ đồng, có viết giấy nhận nợ đề ngày 25/12/2011 (âm lịch) và ngày 22/3/2012. Sau đó, do không có khả năng thanh toán nợ nên Phương và vợ chồng ông Cương, bà Huê đã thỏa thuận việc Phương chuyển nhượng lại các tài sản cho ông Cương, bà Huê để khấu trừ nợ cụ thể như sau: Chuyển nhượng 01 thửa đất số 46a tờ bản đồ số 22 tại thôn Lực Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội với giá 6 tỷ đồng; Chuyển nhượng 02 ki-ốt tại số 3 và số 4 đường Ngang chợ Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá 10 tỷ đồng (mỗi ki-ốt giá 5 tỷ đồng).

Đối với thửa đất tại thôn Lực Canh, xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội và ki-ốt số 3 đường Ngang chợ Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội hiện không phát sinh tranh chấp.

Đối với ki-ốt số 4 đường Ngang chợ Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, hiện đang phát sinh tranh chấp giữa ông Cương, bà Huê và bà Nguyễn Bích Ngân do có việc Nguyễn Thị Phương ký Hợp đồng chuyển nhượng ki-ốt số 4 này cho cả bà Ngân và ông Cương, bà Huê.

Nguồn gốc kiốt số 4 thể hiện: Ki-ốt số 3, số 4 đường ngang Nguyễn Công Trứ đến phố Lê Gia Đình thuộc phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là do các hộ dân tự đặt số, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 của phường Phố Huế là Ki-ốt số 19 và số 20. Các Ki-ốt có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân (UBND) phường Phố Huế quản lý, vào đầu những năm 1980, UBND phường giao cho hợp tác xã mua bán để kinh doanh. Cuối năm 1988, 1989 hợp tác xã giải thể, qua nhiều năm sử dụng các xã viên đã tự coi nơi xây dựng không phép các Ki-ốt thành địa điểm kinh doanh, ăn ở sinh hoạt. Quá trình sử dụng, các Ki-ốt đã được mua đi bán lại cho nhiều người, các Ki-ốt tại đây không thuộc đối tượng được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Ngày 03/10/2011, Nguyễn Thị Phương và Cao Duy Thành đã mua lại ki-ốt số 4 của bà Lê Thị Bình (SN: 1959, HKTT: 12 ngõ 12 phố Hương Viên, P. Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội) và bà Lê Thị Thu (SN: 1968, HKTT: 33 B1 Tập thể Nguyễn Công Trứ, Hà Nội) có ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 03/10/2011 trước sự chứng nhận của người làm chứng là luật sư Chu Minh Thuận (SN: 1985; HKTT: ngõ 120 phố Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) tại Văn phòng luật sư Trịnh (Địa chỉ: 27 phố Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) và bàn giao Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất gồm: tờ khai nộp thuế đất 01/8/1995 có xác nhận của Chi cục thuế quận Hai Bà Trưng ngày 17/9/1995 và các biên lai thu thuế nhà đất từ năm 1994 đến năm 2005 (trừ năm 1996) cho vợ chồng Phương, Thành.

Do có vay nợ tiền của bà Nguyễn Bích Ngân mà không có khả năng thanh toán nên sau khi mua được ki-ốt số 4 trên, Nguyễn Thị Phương đã ký Hợp đồng chuyển nhượng ki-ốt số 4 đề ngày 28/01/2012 để khấu trừ nợ với bà Ngân và giao cho bà Ngân toàn bộ giấy tờ liên quan chứng minh quyền sử dụng kiốt số 4 kể trên. Sau đó, bà Ngân đã cho anh Cao Duy Chiến (con trai Phương) thuê ki-ốt số 4 để làm cửa hàng gội đầu, cắt tóc. Chiến thuê hết tháng 6/2012 thì trả lại nhà cho bà Ngân. Từ tháng 7/2012, bà Ngân đã nhận lại kiốt và cầm chìa khóa, khóa cửa, không ở địa chỉ trên.

Do Nguyễn Thị Phương còn nợ tiền của ông Nguyễn Khắc Cương và bà Nguyễn Thị Huê mà không có khả năng thanh toán nên ngày 12/6/2012, để khấu trừ nợ, Phương tiếp tục ký Hợp đồng chuyển nhượng Ki-ốt số 4 cho bà Nguyễn Thị Huê với giá 5 tỷ đồng. Ngày 18/6/2012, do bà Huê nợ tiền bà Trần Thị Nga nên ông Cương, bà Huê lại ký Hợp đồng chuyển nhượng Ki-ốt số 4 cho bà Trần Thị Nga với giá chuyển nhượng là 4 tỷ đồng để khấu trừ nợ.

Thời điểm này, do Phương bỏ trốn khỏi địa phương, lúc này ông Cương, bà Huê mới biết việc ki-ốt số 4 đã được Phương chuyển nhượng cho bà Ngân. Nhận thấy Phương có dấu hiệu chiếm đoạt tài sản, bà Ngân, bà Huê gửi đơn tố giác đến cơ quan công an để điều tra làm rõ.

Như vậy, trên cơ sở tài liệu điều tra, xác định: Việc chuyển nhượng ki-ốt số 4 của Phương cho bà Ngân đã được thực hiện từ ngày 28/01/2012 là để khấu trừ nợ cho bà Ngân do đó xác định giao dịch chuyển nhượng này là giao dịch dân sự. Hợp đồng chuyển nhượng ki-ốt số 4 ngày 12/6/2012 giữa Phương và ông Cương, bà Huê để khấu trừ khoản nợ 5 tỷ đồng là sau khi ký chuyển nhượng ki-ốt số 4 cho bà Ngân, sau đó Phương đã bỏ trốn để trốn tránh việc

trả nợ cho ông Cương, bà Huệ – do đó xác định Nguyễn Thị Phương bỏ trốn để tránh việc trả nợ 5 tỷ đồng vay của ông Nguyễn Khắc Cương, bà Nguyễn Thị Huệ - đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị Phương đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 5 tỷ đồng của ông Nguyễn Khắc Cương và bà Nguyễn Thị Huệ.

Tổng số tiền Nguyễn Thị Phương chiếm đoạt của các bị hại là 7.628.000.000đ (bảy tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Phương khai nhận: Phương nợ tiền hàng của bà Dương Bạch Mai số tiền 1.558.000.000 đồng, nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Lý số tiền 1.070.000.000 đồng và việc nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Huệ và ông Nguyễn Khắc Cương số tiền 5.000.000.000 đồng nhưng sau đó không đủ khả năng trả nợ nên khoảng tháng 8/2012, Phương đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống, không liên hệ lại với các bị hại.

Đối với các đơn tố giác của bà Nguyễn Kim Dung (SN: 1956; HKTT: 13 ngõ 63 phố Nguyễn Cao, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội); ông Nguyễn Đức Quang (SN: 1956; đã chết ngày 26/1/2013) và vợ là Cao Thị Kim Oanh (SN: 1957; HKTT: 92 phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội – là chị ruột của Cao Duy Thành) tố giác Nguyễn Thị Phương vay tiền, vàng nhưng không trả lại cho những người này, tài liệu điều tra thể hiện: Đối với việc vay mượn này các bên không có tài liệu thể hiện nên không đủ căn cứ xem xét hành vi chiếm đoạt của Phương đối với bà Dung, ông Quang và bà Oanh.

Đối với ông Cao Duy Thành (chồng Phương), tài liệu điều tra thể hiện: Ông Thành hoàn toàn không biết, không liên quan đến giao dịch buôn bán, nợ tiền hàng giữa Nguyễn Thị Phương với bà Dương Bạch Mai; việc vay nợ của Phương với bà Nguyễn Thị Huệ. Việc ông Thành ký vào Giấy nhận nợ đề ngày 13/6/2012 với bà Dương Bạch Mai cùng với Nguyễn Thị Phương, Giấy chuyển nhượng bán nhà đề ngày 11/6/2012 và Hợp đồng chuyển nhượng ki-ốt số 4 đề ngày 12/6/2012 giữa Nguyễn Thị Phương và Nguyễn Thị Huệ là để ràng buộc trách nhiệm trả nợ của vợ chồng Phương và ông Thành. Do đó, không đủ căn cứ xác định ông Thành đồng phạm với Nguyễn Thị Phương chiếm đoạt tiền của bà Dương Bạch Mai, ông Nguyễn Khắc Cương, bà Nguyễn Thị Huệ nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc bà Nguyễn Bích Ngân tố giác ông Nguyễn Khắc Cương về việc đột nhập trái phép vào ki-ốt số 4 đường Ngang, xác định: Thời điểm Phương bỏ trốn, ông Cương khi đó không biết việc Nguyễn Thị Phương đồng thời bán ki-ốt số 4 đường Ngang cho cả bà Ngân và vợ chồng bà Huệ, nên ông Cương đã cắt khóa để vào bên trong ki-ốt số 4. Quá trình giải quyết mâu thuẫn giữa bà Ngân và ông Cương, cơ quan điều tra đã tạm giao ki-ốt số 4 cho bà Ngân. Đến nay, cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Ngân không đến làm việc. Do đó xác định hành vi của Nguyễn Khắc Cương không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 238/CT-VKSHN-P3 ngày 05/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Phương từ 15 đến 16 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương phải bồi thường cho bà Dương Bạch Mai số tiền 1.558.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Lý số tiền 1.070.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường số tiền 5.000.000.000 đồng.

Dành quyền khởi kiện đòi 4.000.000.000 đồng của bà Trần Thị Nga đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường khi có yêu cầu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận như sau: Thừa tòa, bị cáo chỉ vì ham lợi nhuận mà có hành vi vay nợ dẫn đến không trả được rồi phải bỏ trốn. Đề nghị Tòa án xem xét, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bà Dương Bạch Mai và bà Nguyễn Bích Ngân, xét thấy các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử, kết án đối với bị cáo và giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3]. Về điều luật áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội trong khoảng thời gian từ năm 2011 và năm 2012 là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương bị truy tố, xét xử theo Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Lời khai của Nguyễn Thị Phương tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp với các vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Phương làm nghề kinh doanh tự do. Sau thời gian buôn bán, mua hàng của bà Dương Bạch Mai, tính đến ngày 22/6/2012 Phương còn

nợ bà Mai số tiền 1.558.000.000 đồng. Ngoài ra trong năm 2012, Nguyễn Thị Phương còn vay của bà Nguyễn Thị Lý số tiền 1.070.000.000 đồng; vay của của vợ chồng ông Nguyễn Khắc Cường và bà Nguyễn Thị Huê nhiều lần với tổng số tiền 16.000.000.000 đồng. Phương đã trả vợ chồng ông Cường, bà Huê 11.000.000.000 đồng bằng hình thức cầm trù bất động sản, còn nợ ông Cường, bà Huê số tiền 5.000.000.000 đồng. Đến tháng 7/2012, Phương mất khả năng thanh toán nên bỏ trốn để chiếm đoạt các khoản vay, nợ của các bị hại, đến ngày 31/3/2022, Phương bị bắt theo lệnh truy nã. Tổng số tiền Nguyễn Thị Phương chiếm đoạt của các bị hại là 7.628.000.000 đồng (bảy tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần xử phạt nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[2.3]. Bị cáo Nguyễn Thị Phương đã nhiều lần vay, mượn tiền nhưng không trả được sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tiền của 04 bị hại, với tổng số tiền chiếm đoạt là 7.628.000.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[2.4]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền nhưng xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, còn phải bồi thường một số tiền lớn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[2.5]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị Phương đã chiếm đoạt 1.558.000.000 đồng của bà Dương Bạch Mai, chiếm đoạt 1.070.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Lý, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường 5.000.000.000 đồng. Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của họ. Xét yêu cầu của các bị hại là chính đáng và phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương phải bồi thường số tiền 1.558.000.000 đồng cho bà Dương Bạch Mai, bồi thường số tiền 1.070.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lý, bồi thường số tiền 5.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường.

Đối với bà Trần Thị Nga yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường phải trả lại bà 4.000.000.000 đồng là tiền đã gán nợ để lấy ki ốt số 4 đường ngang chợ Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Xét thấy yêu cầu này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Phương nên Hội đồng xét xử không xem

xét mà dành quyền khởi kiện cho bà Nga đối với yêu cầu này bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.6]. Cơ quan điều tra xác định không có đủ căn cứ xác định ông Cao Duy Thành đồng phạm với Nguyễn Thị Phương chiếm đoạt tiền của bà Dương Bạch Mai, bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường. Ngoài ra, cơ quan điều tra cũng xác định hành vi của Nguyễn Khắc Cường không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý. Cơ quan điều tra cũng xác định các đơn tố cáo của bà Nguyễn Kim Dung, ông Nguyễn Đức Quang, bà Cao Thị Kim Oanh tố giác Phương vay tiền, vàng nhưng không trả nhưng việc vay mượn này các bên không có tài liệu thể hiện nên không đủ căn cứ xem xét hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo với những người này. Mặt khác, Cáo trạng không truy tố, không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7]. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự, Hội đồng xét xử xác định: người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.8]. Bị cáo Nguyễn Thị Phương phải chịu án phí sơ thẩm theo điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2.9] Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Phương** phạm tội **Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Thị Phương**: 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/3/2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương phải bồi thường số tiền 1.558.000.000 đồng cho bà Dương Bạch Mai, bồi thường số tiền 1.070.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Lý, bồi thường số tiền 5.000.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Huê và ông Nguyễn Khắc Cường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Dành quyền khởi kiện cho bà Trần Thị Nga yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Huệ và ông Nguyễn Khắc Cương trả lại bà 4.000.000.000 đồng khi có yêu cầu.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phương phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 115.628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị Phương, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Trại tạm giam số 1;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐINH QUỐC TRÍ